

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2022/HS-ST

Ngày: 23-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Vĩnh và Bà Phan Thị Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện TL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh BT tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2022, đối với bị cáo:

TRẦN ĐỨC L, sinh năm 2002; Tại: Bình Thuận; Nơi cư trú: thôn 04, xã ĐK, huyện TL, tỉnh BT; Nghề nghiệp: Sinh viên; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đức H, sinh năm 1972 và bà Trần Thị T, sinh năm 1976; Tiền án, tiền sự: Không; Gia đình có 03 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Có vợ là Nguyễn Thị TU, sinh năm 2001 (chưa đăng ký kết hôn); Có 01 người con sinh năm 2021; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/02/2022; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện TL. Có mặt.

- Bị hại:

+ Phan Giáp T, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Thôn 02, xã ĐB, huyện TL, tỉnh BT. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Giáp Lê DT, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Thôn 02, xã ĐB, huyện TL, tỉnh BT. Có mặt.

+ Trần Đức H, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn 04, xã ĐK, huyện TL,

tỉnh BT. Có mặt.

+ Trần Thị T, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn 04, xã ĐK, huyện TL, tỉnh BT. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Trần Lê MT, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Thôn 02, xã ĐB, huyện TL, tỉnh BT. Có mặt.

+ Trần Minh T, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Thôn 2, xã ĐB, huyện TL, tỉnh BT. Có mặt.

+ Trần Bảo K, sinh năm 2002; Nơi cư trú: Thôn 2, xã ĐB, huyện TL, tỉnh BT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 20/11/2021, Trần Đức L đến nhà của Trần Minh T thôn 02, xã ĐB, huyện TL để uống rượu với Tú. Tại đây còn có Trần Bảo K và Trần Thế Hùng ngồi uống rượu. Trần Đức L nhớ lại trước đây có mâu thuẫn với Phan Giáp T nên nhờ Kiên sang nhà Phan Giáp T ở gần đó gọi Tài sang gặp để nói chuyện nhưng không có Tài ở nhà.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, Tài về nhà nhắn tin qua facebook của H hẹn gặp L ở đầu hẻm nhà Tài tại ngã ba đường quốc lộ 55 giao nhau với đường liên thôn, thuộc thôn 02, xã ĐB, huyện TL. Tài vào nhà chuẩn bị 01 đèn pin màu đen có ghi chữ Police dài 18,5cm có chức năng kích điện bỏ vào túi quần đi ra chỗ hẹn. Cùng lúc này, Trần Lê MT là anh trai của Tú đi lên nhà vợ ở xã Đồng Kho nên rủ L cùng đi. L lấy xe mô tô biển số 86B8 – 421.84 rồi nói với T “*Anh ra đây với em xíu rồi về chung*” T đồng ý. Trên đường đi, L nói với T về mâu thuẫn với Tài. T nói “*Chuyện của em thì em tự giải quyết, nó người ở đây, anh khó xử lắm*”. Khi đến đường hẻm vào nhà Tài, L quay đầu xe đến đầu hẻm còn T điều khiển xe chạy thẳng. Tại đây, Tài dựng xe mô tô, rút chìa khóa xe cầm trên tay phải đi bộ về hướng Tài và nói “*Mày nhớ tao là ai không?*”, Tài trả lời “*Nhớ, L Trần*” thì L áp sát dùng hai tay nắm nhiều cái vào đầu của Tài, Tài dùng tay chống đỡ, vừa đỡ vừa lùi thì bị vấp chân té ngồi xuống đất. Tài lấy đèn pin trong túi quần có chức năng kích điện ra bấm dí về phía L. Thấy vậy, L bỏ chạy ra xe.

Tài đi vào nhà thì phát hiện chìa khóa đâm vào đầu và được gia đình đưa đến Trung tâm y tế TL cấp cứu. L quay lại xe mới biết không còn chìa khóa trên tay. L đến vị trí đánh nhau để tìm chìa khóa nhưng không thấy. Cùng lúc anh T điều khiển xe quay lại cùng tìm chìa khóa cho L nhưng không thấy nên T phụ L đẩy xe về nhà Tú gửi. Nhận được tin báo, Công an xã ĐB mời L lên trụ sở làm việc. Quá trình điều tra, L khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 78/2022/TgT ngày 04/01/2022 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh BT kết luận:

“Vết thương vùng đỉnh trái, nứt sọ vùng thái dương trán trái, xuất huyết dưới màng cứng vùng trán trái đã được điều trị găm sọ lõm, hiện vá sọ bằng vật liệu nhân tạo, tụ máu dưới màng cứng lượng ít vùng trán trái, để lại sẹo vết mổ trùng với vết sẹo kích thước: 17 x 0,4cm; sẹo ống dẫn lưu kích thước: 1 x 0,3cm. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho ông Phan Giáp T hiện tại là: 32%.

Vết thương do vật tày có cạnh gây ra.

- Vật chứng trong vụ án:

- 01 (một) đèn pin màu đen có ghi chữ: Police, có chiều dài 18,5cm, có chức năng kích điện. Hiện đang có tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/7/2022.

- Chiếc chìa khóa không thu giữ được do quá trình cấp cứu tại Bệnh viện Cthành phố Hkhi mở lấy chìa khóa.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại Phan Giáp T yêu cầu bị cáo Trần Đức L phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền 372.143.035 đồng. Trong đó: Chi phí điều trị thương tích, chi phí test Covid, bồi dưỡng bác sỹ, điều dưỡng, đồ dùng sử dụng trong những ngày điều trị 23.000.000 đồng; Chi phí đi lại 12.772.000 đồng; Thiệt hại ngày công lao động 154.560.000 đồng; Ngày công lao động của người chăm sóc 15.000.000 đồng; Thiệt hại do tổn thất về tinh thần 80.000.000 đồng.

Bị cáo Trần Đức L và gia đình đã bồi thường cho bị hại Phan Giáp T số tiền 120.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 24/CT-VKSND-TL ngày 01/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TL truy tố bị cáo Trần Đức L về tội: “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TL:* Giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần Đức L về tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; Bị cáo đã cùng với gia

đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; Bị cáo có bà Nội là người có công với cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định.

Viện kiểm sát nhân dân huyện TL đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Trần Đức L mức án tù 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của bị cáo*: Không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- *Ý kiến của bị hại Phan Giáp T*: Không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Giáp Lê DT: Trong vụ án này có thể có đồng phạm, gia đình bị hại đã có đơn đề nghị xử lý, tuy nhiên không được xem xét; Gia đình bị hại nhận thấy mức án mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả đã gây ra cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xử tăng mức án đối với bị cáo.

+ Ông Trần Đức H và bà Trần Thị T: Không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất.

- *Đại diện Viện kiểm sát tranh luận đối đáp với bà Giáp Lê DT*: Quá trình điều tra, cơ quan tiến hành tố tụng đã nhận được đơn kiến nghị của bị hại về việc yêu cầu xử lý vai trò đồng phạm trong vụ án, cơ quan tiến hành tố tụng đã xem xét đơn và giải quyết đơn theo quy định của pháp luật; Tuy nhiên, quá trình điều tra đã chứng minh được trong vụ án này chỉ có bị cáo tấn công bị hại, tại phiên tòa bị hại cũng xác nhận chỉ có bị cáo tấn công bị hại, ngoài ra không còn ai khác;

Do đó không có căn cứ xác định có đồng phạm trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện TL, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Đức L đều khai nhận toàn bộ hành vi như Bản cáo trạng đã quy kết; Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản ghi nhận vụ việc, Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể, vật chứng đã thu giữ trong vụ án; Bản kết luận giám định pháp y về thương tích; phù hợp lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận: Do có mâu thuẫn từ trước đó với bị hại Phan Giáp T về việc bị Phan Giáp T đánh nên khoảng 22 giờ ngày 20/11/2021, tại khu vực ngã ba giao nhau giữa đường bê tông liên xóm và đường Quốc lộ 55, thuộc thôn 02, xã DB, huyện TL, tỉnh BT; Bị cáo Trần Đức L đã có hành vi sử dụng chìa khóa xe máy hiệu Honda đánh trúng vào vùng đầu của Phan Giáp T gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể đã được xác định là 32%.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Trần Đức L là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày mà bị cáo vẫn cố ý sử dụng vũ lực để giải quyết mâu thuẫn. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo sử dụng chìa khóa xe hiệu Honda gây thương tích cho bị hại nên theo quy định tại điểm a tiểu mục 2.2 mục 2 phần I Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì chìa khóa xe là hung khí nguy hiểm nên đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt “Dùng hung khí nguy hiểm”, bị cáo gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ thương tích được xác định là 32%, do đó đã phạm tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự. Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TL đã truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng

người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Đức L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, hiện đang nuôi con nhỏ; Sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã cùng với gia đình bồi thường, khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; Bị cáo có bà Nội là người có công với cách mạng - Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do đó cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 (một) đèn pin màu đen có ghi chữ: Police, có chiều dài 18,5cm, có chức năng kích điện; Xét vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; Đối với chiếc chìa khóa xe hiệu Honda không thu giữ được do quá trình cấp cứu tại Bệnh viện Cthành phố Hkhi mở lấy chìa khóa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại Phan Giáp T yêu cầu bị cáo Trần Đức L phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền 372.143.035 đồng. Trong đó: Chi phí điều trị thương tích, chi phí test Covid, bồi dưỡng bác sỹ, điều dưỡng, đồ dùng sử dụng trong những ngày điều trị 23.000.000 đồng; Chi phí đi lại 12.772.000 đồng; Thiệt hại ngày công lao động 154.560.000 đồng; Ngày công lao động của người chăm sóc 15.000.000 đồng; Thiệt hại do tổn thất về tinh thần 80.000.000 đồng.

7.1 Về chi phí điều trị thương tích của bị hại Phan Giáp T:

Căn cứ vào Giấy ra viện đề ngày 23/11/2021 của Bệnh viện Cthành phố Hthể hiện: Phan Giáp T vào viện ngày 21/11/2021, ra viện ngày 23/11/2021 (03 ngày) (BL 66);

Căn cứ vào Giấy ra viện đề ngày 07/12/2021 của Bệnh viện Phục hồi chức năng – Điều trị bệnh nghề nghiệp thành phố Hthể hiện: Phan Giáp T vào lúc 18 giờ 30 phút, ngày 23/11/2021, ra viện lúc 15 giờ 00 phút ngày 07/12/2021 (15 ngày) (BL 67);

Căn cứ vào Giấy ra viện đề ngày 13/12/2021 của Bệnh viện 30-4 – Bộ Công an thể hiện: Phan Giáp T vào lúc 15 giờ 41 phút, ngày 07/12/2021, ra viện lúc 14 giờ 05 phút ngày 13/12/2021 (07 ngày) (BL 68);

Như vậy tổng số ngày điều trị thực tế tại các cơ sở y tế của Phan Giáp T là 25 ngày.

7.1.1 Chi phí điều trị có hóa đơn gồm:

- Phiếu thu của Trung tâm y tế TLĐề ngày 20/11/2021 số tiền 120.000 đồng; 520.000 đồng; 380.280 đồng (BL 70, 71, 72);

- Phiếu thu của Bệnh viện Cthành phố H số tiền 10.000.000 đồng; 6.431.650 đồng (BL 73);

- Hóa đơn bán hàng của Bệnh viện đa khoa Nam BTĐề ngày 21/11/2021 số tiền 118.750 đồng; 159.668 đồng (BL 74, 75);

- Bảng kê thu tiền thuốc của Bệnh viện Phục hồi chức năng – Điều trị bệnh nghề nghiệp thành phố H số tiền 1.078.560 đồng; 3.731.940 đồng; 2.532.600 đồng; 1.807.031 đồng (BL 76 -79);

- Hóa đơn bán lẻ của nhà thuốc Tân Mỹ 1, địa chỉ 326 Âu Dương Lân, phường 3, quận 8, thành phố H số tiền 1.848.000 đồng; 2.130.000 đồng; (BL 80, 81);

- Hóa đơn bán hàng của Bệnh viện 30-4 – Bộ Công an số tiền 13.860.300 đồng; 1.921.786 đồng; 38.700 đồng; 109.700 đồng (BL 82-85);

- Hóa đơn bán lẻ của nhà thuốc Quỳnh Trâm, địa chỉ 520 Nguyễn Trãi, phường 8, quận 5, thành phố H số tiền 620.000 đồng; (BL 86);

- Hóa đơn bán lẻ của quầy thuốc Quang Tấn số tiền 852.000 đồng; (BL 87);

- Hóa đơn bán hàng của Trung tâm thiết bị y tế Sài Gòn, địa chỉ 48 Thành Thái, phường 12, quận 10, thành phố H số tiền 52.000.000 đồng; (BL 88);

- Phiếu thu tiền viện phí của Bệnh viện Đa khoa An phúc, BT số tiền 1.150.000 đồng (BL 89);

- Hóa đơn bán hàng của Bệnh viện đa khoa Nam BT đề ngày 21/11/2021 số tiền 1.572.000 đồng (BL 90);

- “Giấy xác nhận” dịch vụ xe cấp cứu số tiền 1.500.000 đồng; 500.000 đồng; 1.200.000 đồng (BL 91-93);

- Bảng kê chi phí điều trị nội trú số tiền 6.892.154 đồng; 4.339.631 (BL 95); 21.292.176 đồng;

Tổng cộng các khoản có hóa đơn, chứng từ là 139.906.926 đồng (*một trăm ba mươi chín triệu chín trăm lẻ sáu nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng*). Đây là chi phí thực tế bị hại đã chi trả do đó cần tuyên buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại.

7.1.2 Chi phí điều trị không có hóa đơn gồm:

- Tiền chi phí test Covid-19 (06 Phiếu test) (BL 98-103); Xét thấy mặc dù không có hóa đơn chứng từ chứng minh, tuy nhiên tại thời điểm bị hại điều trị thương tích thì dịch bệnh Covid-19 đang lây lan, do đó cần xét nghiệm Covid-19, vì vậy đây là chi phí thực tế phát sinh cần tuyên buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại tương đương với 06 lần test Covid-19 x 200.000 đồng/01 lần test = 1.200.000 đồng.

- Đối với số ngày công lao động của bị hại Phan Giáp T bị mất: Xét thấy bị hại Phan Giáp T điều trị thương tích trong khoảng thời gian 30 ngày và điều trị phục hồi sức khỏe 60 ngày là phù hợp nên cần chấp nhận ngày công lao động của bị hại Phan Giáp T bị mất là 90 ngày x 300.000 đồng/ngày = 27.000.000 đồng.

- Ngoài ra, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tương đương với số tiền L bị hại nhận tại Công ty TNHH Hải Mỹ - Nhà máy Sturong ứng với số tiền 10.760.000 đồng/tháng; bị hại có cung cấp “Danh sách phí đi công tác công ty ngoài” có tên của bị hại Phan Giáp T số tiền 5.157.000 đồng (BL 105) và cho rằng đây bằng L tại Công ty TNHH Hải Mỹ - Nhà máy Svà yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường; Xét thấy về chi phí này, bị hại không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, mặt khác bị hại cho rằng có thu thập ổn định và có L tại công ty, tuy nhiên bị hại không cung cấp được hợp đồng lao động, mặt khác đối với số tiền này đã được xem xét về ngày công lao động bị mất và xét thấy không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

- Chi phí bồi dưỡng bác sỹ, điều dưỡng, đồ dùng sử dụng trong những ngày điều trị; Đối với những chi phí này, bị hại không có tài liệu, chứng cứ chứng minh và xét thấy không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận những chi phí này.

- Đối với số ngày công lao động của người chăm sóc số tiền 500.000đồng/ngày x 30 ngày = 15.000.000 đồng. Xét thấy, người chăm sóc cho bị cáo là bà Giáp Lê DT không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên chỉ chấp nhận mức 300.000đồng/ngày x 30 ngày = 9.000.000 đồng là phù hợp.

7.2 Đối với tiền tổn thất tinh thần:

Xét thấy: Nguyên nhân dẫn đến vụ án do bị cáo bị hại có mâu thuẫn từ trước, trong vụ án này bị hại Phan Giáp T cũng có một phần lỗi vì vậy yêu cầu bồi thường của bị hại đối với tiền tổn thất tinh thần là không có căn cứ chấp nhận.

Như vậy tổng cộng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại Phan Giáp T là: 177.106.926 đồng (*một trăm bảy mươi bảy triệu một trăm lẻ sáu nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng*).

Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và bà Giáp Lê DT đều khẳng định bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại được tổng cộng số tiền 120.000.000 đồng (*một trăm hai mươi triệu đồng*). Do đó bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bị

hại số tiền 57.106.926 đồng (*năm mươi bảy triệu một trăm lẻ sáu nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng*).

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Đức L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 136; Điều 260; Điều 290; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự; Tuyên bố: Bị cáo Trần Đức L phạm tội “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”;

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Đức L 03 (*ba*) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 16/02/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585, 586, 590 và Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Đức L phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Phan Giáp T số tiền số tiền 57.106.926 đồng (*năm mươi bảy triệu một trăm lẻ sáu nghìn chín trăm hai mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy vật chứng trong vụ án: 01 (một) đèn pin màu đen có ghi chữ: Police, có chiều dài 18,5cm, có chức năng kích điện; Hiện đang có tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/7/2022.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Đức L phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.855.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/8/2022).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BT;
- VKSND tỉnh BT;
- Sở Tư pháp tỉnh BT;
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh BT;
- VKSND huyện TL;
- Cơ quan CSĐT - Công an Tánh Linh;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã ĐK, huyện TL, tỉnh BT (thay thông báo);
- Bị cáo, người tham gia tố tụng (để tổng đạt);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Bình